

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

Bản án số: 65/2020/ DS-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long Biên, ngày 24 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đạt và Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H Yến - Thư ký tòa án dân nhân quận Long Biên

- Đại diện VKSND quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-DS ngày 03/03/2020 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* “. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 42/QĐST ngày 20 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 95/2020 ngày 05/8/2020 mở lại phiên tòa giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Xây dựng công trình M(gọi tắt là Công ty M). Theo giấy phép ĐKKD số:0106476222 đăng ký lần đầu 07/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/11/2018. Trụ sở: số 87 Y, phường V, quận Hai Bà Trưng, HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy C – Giám đốc Công ty. Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông H Đức Long theo Giấy ủy quyền ngày: 09/3/2020 tại Văn phòng công chứng An Khánh (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Nhật H, sinh năm: 1982, ĐKKHKT : 201A8 tổ 28 phường Đ, quận Long Biên , thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại : Số nhà 1 , ngõ 987 ngách 68 đường N, quận Long Biên , thành phố Hà Nội.(Vắng mặt)

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng C N C(gọi tắt là Công ty C.N.C). Người đại diện theo pháp luật:

Nguyễn Thúy Q, theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 03 năm 2019, đăng kí lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2015. Mã số doanh nghiệp 0106990068 do: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo nguyên đơn - Công ty cổ phần Xây dựng công trình M cũng như người đại diện ủy quyền, trình bày tóm tắt như sau: Giữa Nguyên đơn là Công ty cổ phần Xây dựng công trình M: Qua quan hệ làm ăn nhiều năm, anh Lê Huy C (đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần Xây dựng công trình M) có quen biết với anh Trần Nhật H (là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP sản xuất cơ khí và xây dựng CNC trước đây.

Ngày 07/04/2017 , Công ty cổ phần xây dựng M ký 1 Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐTC/AMO-QM với Công ty TNHH AMOVINA. Theo hợp đồng này, Công ty M là đơn vị sẽ thực hiện thi công xây mới nhà xưởng 2 Công ty Amo tại lô CN13 , khu công nghiệp Khai Quang , tỉnh Vĩnh Phúc ; thời hạn thực hiện công việc là 7 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực ; giá trị Hợp đồng là 77.500.000.000 VNĐ (*Bảy mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) .

Ngày 30/5/2017, Công ty M và Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC ký phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng số:3005/2017/HĐKT/MQ-CNC . Nội dung hợp đồng phía bên công ty CNC sẽ thực hiện việc gia công, lắp dựng kết cấu thép khối nhà chính + khối nhà 2 tầng , thang thoát hiểm ngoài nhà , nhà để xe , địa điểm tại khu CN Khai Quang. Giá trị hợp đồng tạm tính là 2.985.476.997 VNĐ (*Hai tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm bảy sáu ngàn chín trăm chín bảy đồng*) .

Ngày 30/07/2017, Công ty M tiếp tục ký 1 Phụ lục hợp đồng kinh tế số 3007/2017/PLHĐKT/MQ-CNC về việc bổ sung đơn giá các công việc phát sinh ngoài hợp đồng (kèm theo Hợp đồng 3005/2017 nêu trên). Giá trị phụ lục hợp đồng: 196.817.000 VNĐ (*một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng*).

Như vậy, tổng giá trị Hợp đồng sau khi bổ sung phụ lục hợp đồng là 3.182.293.519 VNĐ (*Ba tỷ một trăm tám hai triệu hai trăm chín ba ngàn năm trăm mười chín đồng*).

Công ty M đã tạm ứng 1,5 tỉ đồng cho nhà thầu phụ (Công ty CNC) để thực hiện thi công công trình trên. Nhưng Công ty CNC không thực hiện được hợp

đồng, lý do: Công ty CNC không có thép tấm và các nguyên vật liệu , thiếu kinh phí nên bị chậm tiến độ thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền tạm ứng , công ty CNC vẫn không thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng, lí do vẫn thiếu kinh phí để hoàn thiện các hạng mục 2 bên đã thống nhất trong Hợp đồng kinh tế số 3005 và 3007.

Ngày 06/11/2017 , Công ty CNC tiếp tục vay 800.000.000 VNĐ (*tám trăm triệu đồng*) của Công ty M theo Khế ước nhận nợ giữa 2 bên . Thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày vay.

Ngày 03/1/2018 , Công ty CNC vay Công ty M số tiền 270.000.000 VNĐ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*) theo Hợp đồng vay vốn số 0301/2018/HĐVV-MQ . Thời hạn vay từ ngày 03/01/2018 đến ngày 13/3/2018.

Do cá nhân ông Trần Nhật H quen biết với công ty M và để đảm bảo tiến độ thực hiện lắp đặt không ảnh hưởng công việc chung, nên ngày 14/12/2017, Công ty M đã ký Hợp đồng cho vay tiền số 1412/2017/HĐVV-MQ với cá nhân ông Trần Nhật H số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*). Thời hạn của Hợp đồng vay này là 3 tháng kể từ ngày 14/12/2017 đến ngày 13/03 /2018.

+ Cụ thể: Công ty M đã chuyển cho ông H số tiền 400.000.000 VNĐ tiền mặt vào ngày 14/12/2017 và đến ngày 19/12/2017 thì chuyển nốt số tiền 100.000.000VNĐ vào tài khoản của cá nhân ông H.

Ngày 31/07/2018 , Công ty M và Công ty CNC đã lập với nhau Biên bản thanh lý Hợp đồng số 3005/2017 .

Cũng trong ngày 31/07/2018 , Công ty M và Công ty CNC đã lập với nhau 1 biên bản đối chiếu công nợ tại địa chỉ Văn phòng công ty CNC. Nội dung biên bản này thể hiện nội dung: Công ty CNC còn nợ Công ty M số tiền 800.000.000 VNĐ (*tám trăm triệu đồng chẵn*) theo khoản vay ngày 06/11/2017 ; nợ Công ty M số tiền 270.000.000 VNĐ (*hai trăm bảy mươi triệu đồng chẵn*). Tại biên bản đối chiếu này, anh Trần Nhật H cũng xác nhận khoản vay cá nhân đối với Công ty M là 500.000.000 VNĐ (*năm trăm triệu đồng chẵn*). Tổng số tiền lãi tính đến ngày đối chiếu công nợ là 54.312.330 VNĐ (*năm mươi tư triệu ba trăm mười hai triệu ba trăm ba mươi đồng*).

Đối với 2 khoản vay 800.000.000 VNĐ và 270.000.000 VNĐ của Công ty CNC, Công ty M đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh . Ngày 18/11/2019, TAND huyện Đông Anh đã ra Bản án số 28/2019/KDTM-ST yêu cầu Công ty CNC phải trả cho Công ty M số tiền 1.070.000.000 VNĐ (*Một tỷ không*

trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) tiền gốc và 150.367.124 VNĐ (Một trăm năm mươi triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm hai tư đồng) tiền lãi . Tổng số tiền là 1.220.367.124 VNĐ (Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu bảy ngàn một trăm hai tư đồng).

Khoản vay cá nhân của anh H với Công ty M theo Hợp đồng 1412/2017 thì anh Lê Huy C (đại diện theo Pháp luật của Công ty M) đã nhiều lần liên hệ với anh H sau khi quá thời hạn vay, nhưng anh H vẫn khất lần, trốn tránh việc trả nợ nên với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty M, anh C đã gửi đơn khởi kiện tới TAND quận Long Biên. Yêu cầu bị đơn là anh H thanh toán cho Công ty M số tiền 620.350.000VNĐ. Trong đó tiền gốc là 500.000.000 VNĐ và tiền lãi tính đến ngày xét xử 24/8/2020 là: 120.350.000 VNĐ (số tiền lãi tính từ thời điểm vay quá hạn tới thời điểm xét xử sơ thẩm)

*** Bị đơn là anh Trần Nhật H :** Bị đơn là anh Trần Nhật H không đến Tòa án làm việc trong suốt quá trình Tòa án thụ lý nên không có lời khai. Ngày 16/06/2020, Tòa án đã đến xác minh tại nơi thường trú của anh H, nhưng vì anh H thường xuyên đi và về cố tình trốn tránh, cản trở nên Tòa án không thể tổng đạt được văn bản tố tụng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường T nơi cư trú của bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tóm tắt như sau:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã đảm bảo quyền lợi đúng quy định đối với nguyên đơn, với bị đơn và Người có quyền lợi liên quan chưa thực hiện tốt.
- Về nội dung: Xác định hai bên nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vay tiền vào ngày 14/12/2017 có thỏa thuận về gốc và lãi. Nguyên đơn khởi kiện và có yêu cầu đúng quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện bên nguyên đơn. Căn cứ điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự và điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về chế độ án lệ phí Tòa án, buộc anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

-Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại: điểm 3 của Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ : khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, điểm b khoản 2 điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong quá trình công khai chứng cứ và hòa giải họ cũng vắng mặt nên không tiến hành thủ tục này được.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng “Khế ước nhận nợ” ngày 06/11/2017 và Hợp đồng vay vốn số 1412/2017/HĐVV-MQ ngày 14/12/2017 Công ty M và cá nhân anh Trần Nhật H có đủ tư cách ký kết hợp đồng vay tài sản, các bên ký kết hợp đồng vay tài sản hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên được ghi nhận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy thời điểm anh H tham gia ký kết hợp đồng thì anh đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty C.N.C, nhưng anh H vay với tư cách cá nhân thể hiện qua hợp đồng vay tài sản nói trên, mặc dù mục đích là để Công ty lắp đặt thiết bị theo hợp đồng kinh doanh thương mại, khoản tiền này là thỏa thuận dân sự hai bên và chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân anh H, việc anh H có sử dụng đúng mục đích thực hiện hợp đồng cho công ty mà anh đại diện hay không sau này tách yêu cầu giữa cá nhân anh H và Công ty C.N.C giải quyết bằng vụ án khác. Như vậy đây là tranh chấp dân sự.

Anh Trần Nhật H không đến làm việc theo giấy triệu tập. Tòa án không lấy được lời khai về việc vay nợ tiền, tuy nhiên căn cứ vào bản đối chiếu công nợ ngày 31/7/2018 thể hiện cá nhân anh Trần Nhật H còn nợ công ty M số tiền gốc là 500.000.000 đ (“Khế ước nhận nợ ngày 06/11/2017 và Hợp đồng vay vốn số 1412/2017/HĐVV-MQ ngày 14/12/2017). Cũng theo nội dung Hợp đồng vay vốn này anh Trần Nhật H nhất trí nếu trong thời hạn 3 tháng từ thời điểm ký hợp đồng vay mà anh H không trả được số tiền vay, thì sẽ tính lãi suất vay theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng, và sau ngày 13/3/2018 là ngày phải chịu lãi của khoản vay chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự. Thỏa thuận này của các bên phù hợp với quy định về lãi tại điều 357 , khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nay Công ty M yêu cầu anh Trần Nhật H trả tổng số tiền là tiền 620.350.000VNĐ, trong đó tiền gốc là 500.000.000 VNĐ và tiền lãi là 120.350.000 VNĐ (số tiền lãi tính từ thời điểm vay quá hạn tới thời điểm tòa án cấp sơ thẩm xét xử) là có căn cứ nên được chấp nhận.

3. Về án phí: Anh Trần Nhật H phải chịu án phí dân sự để sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 BLDS 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với anh Trần Nhật H. Buộc anh Trần Nhật H trả cho Công ty M tổng số tiền 620.350.000VNĐ, trong đó tiền gốc là 500.000.000 VNĐ và tiền lãi là 120.350.000 VNĐ (số tiền lãi tính từ thời điểm vay quá hạn tới thời điểm xét xử sơ thẩm)

Kể từ ngày người được thi hành án là Công ty M có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án là anh Trần Nhật H) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tiếp theo ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất được áp dụng theo điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Giành quyền khởi kiện giữa các bên là Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC và anh Trần Nhật H khi các bên có yêu cầu đối với số tiền anh Trần Nhật H đã vay theo hợp đồng vay vốn số: 1412/2017/HĐVV-MQ ngày 14/12/2017 Công ty M và cá nhân anh Trần Nhật H.

3/ Về án phí: Anh Trần Nhật H phải nộp 28.814.000đ (Hai mươi tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự. Hoàn trả lại cho Công ty M 23.852.000đ (hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0008765 ngày 06/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng . Anh Trần Nhật H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất

không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND quận Long Biên;
- VKSND quận Long Biên
- Các Đương sự
- Lưu HS, TA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Vĩnh